

❖ **Kỹ năng**

G4. Kỹ năng phân tích, đánh giá vấn đề liên quan đến vận hành quản trị marketing trong doanh nghiệp và các tổ chức.

G5. Kỹ năng giao tiếp, đàm phán - thương lượng, xử lý và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình vận hành hệ thống của doanh nghiệp và tổ chức.

G6. Kỹ năng thực hiện công việc tác nghiệp liên quan đến quản trị kinh doanh, marketing, bán hàng, chăm sóc khách hàng, hậu mãi,...

G7. Kỹ năng hoạch định, tổ chức, thực thi, kiểm tra, kiểm soát các vấn đề liên quan đến chiến lược, kế hoạch marketing, bán hàng.

G8. Sử dụng tốt ngoại ngữ và công nghệ thông tin để phục vụ cho công việc.

G9. Tư duy, nhận thức và giải quyết vấn đề mang tính độc lập cao.

G10. Người học có thể tự khởi sự kinh doanh và tạo việc làm cho người khác.

❖ **Thái độ**

G11. Năng động, cầu tiến, sáng tạo, có tính kỷ luật và tác phong công nghiệp.

G12. Tuân thủ quy định của pháp luật, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm đối với xã hội.

2. CHUẨN ĐẦU RA

2.1. Kiến thức

LO1. Nắm rõ một cách hệ thống các kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, các kiến thức về toán học, kiến thức xã hội, khoa học tự nhiên, phương pháp nghiên cứu khoa học để vận dụng trong học tập, nghiên cứu vào lĩnh vực kinh tế.

LO2. Nắm vững kiến thức cơ bản về ngoại ngữ, tiếng Anh chuyên ngành và công nghệ thông tin.

LO3. Nắm vững các kiến thức cơ bản về lĩnh vực kinh tế, thị trường, các lĩnh vực liên quan như: kế toán, tài chính, quản trị kinh doanh và kiến thức chuyên sâu về marketing như: nghiên cứu thị trường, phân khúc và lựa chọn thị trường mục tiêu, định vị sản phẩm, thương hiệu, marketing hỗn hợp, tổ chức thực hiện và đánh giá chiến lược, kế hoạch marketing.

LO4. Thực thi các hoạt động điều hành và quản lý các công việc liên quan đến hoạt động sản xuất - kinh doanh, marketing tại các doanh nghiệp.

LO5. Nhận biết, phân tích và giải quyết hiệu quả các vấn đề phát sinh tại các bộ phận trong doanh nghiệp/tổ chức; phân tích, đánh giá, xây dựng và giám sát các kế hoạch, chiến lược marketing trong doanh nghiệp.

2.2. Kỹ năng

2.2.1 Kỹ năng nghề nghiệp

LO6. Thu thập, xử lý, phân tích, đánh giá thông tin để giải quyết vấn đề liên quan đến các hoạt động marketing trong doanh nghiệp

LO7. Vận dụng kỹ năng quản trị trong việc thực hiện hoạt động tác nghiệp liên quan đến các hoạt động trong doanh nghiệp/tổ chức.

LO8. Dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

LO9. Thực hiện được việc hoạch định, tổ chức, thực thi, kiểm tra, kiểm soát các vấn đề liên quan đến hoạt động marketing trong doanh nghiệp.

LO10. Có thể lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

2.2.2 Kỹ năng mềm

LO11. Áp dụng hiệu quả các kỹ năng mềm (giao tiếp, làm việc nhóm, viết - đọc và trình bày, thuyết trình, đàm phán thương lượng, ...) vào công việc thực tế tại doanh nghiệp.

LO12. Sử dụng tốt ngoại ngữ, tin học căn bản và các phần mềm chuyên dụng.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

LO13. Có phẩm chất đạo đức tốt, tuyệt đối tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, có tinh thần trách nhiệm công dân

LO14. Khả năng ứng biến tốt trong môi trường thay đổi, mềm dẻo, linh hoạt với nhiều điều kiện, hoàn cảnh đa dạng.

LO15. Khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

2.4. Định hướng nghề nghiệp, vị trí việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Sinh viên có thể bắt đầu ở vị trí chuyên viên, đảm trách các công việc liên quan đến chuyên môn được đào tạo như: nghiên cứu thị trường, phát triển thị trường, bán hàng, chăm sóc khách hàng, quảng cáo, quan hệ công chúng, xây dựng chiến lược, kế hoạch marketing. Sau khi hội đủ các điều kiện cần thiết về kinh nghiệm, bản lĩnh, kiến thức, sinh viên có thể đảm nhận được các vị trí quản lý cấp trung và phát triển lên cấp cao tại các doanh nghiệp, cơ quan quản lý và các tổ chức phi lợi nhuận; hoặc giảng dạy, nghiên cứu về quản trị kinh doanh, marketing tại các trường đại học, cao đẳng.

2.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Sau khi ra trường, sinh viên đủ điều kiện tiếp tục chuyển tiếp theo học sau đại học, đặc biệt du học nước ngoài hoặc tham gia chuyển tiếp sau đại học với các tổ chức đào tạo quốc tế hợp tác với Nhà trường.

3. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 3,5 năm

4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 141 tín chỉ (Bao gồm cả Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh)

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh Đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Tây Đô. Công dân Việt Nam có đủ các điều kiện sau đây đều được đăng ký dự tuyển:

- Đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương;
- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo quy định hiện hành của Liên Bộ Y tế - Giáo dục và Đào tạo;
- Nộp đầy đủ, đúng thời hạn các giấy tờ và lệ phí đăng ký xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

6.1. Quy trình đào tạo

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 302/QĐ-ĐHTĐ, ngày 10/5/2021 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô).

6.2. Điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 302/QĐ-ĐHTĐ, ngày 10/5/2021 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô) và Quy định các kỹ năng chuẩn đầu ra cho sinh viên, học sinh trường Đại học Tây Đô.

- a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- b) Tích lũy đủ số tín chỉ, học phần quy định theo chương trình đào tạo;
- c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên;
- d) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – an ninh và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất.
- e) Đạt chuẩn kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin, kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp và được cấp chứng chỉ theo quy định nhà trường.

f) Có đơn gửi Phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

7. THANG ĐIỂM

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 302/QĐ-ĐHTĐ, ngày 10/5/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Đô).

Thang điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần:

Xếp loại học phần	Điểm số theo thang điểm 10	Điểm chữ	Điểm số theo thang điểm 4
Xuất sắc	9,0 - 10,0	A	4,0
Giỏi	8,0 - 8,9	B+	3,5
Khá	7,0 - 7,9	B	3,0
Trung bình Khá	6,5 - 6,9	C+	2,5
Trung bình	5,5 - 6,4	C	2,0
Trung bình Yếu	5,0 - 5,4	D+	1,5
Yếu	4,0 - 4,9	D	1,0
Kém	nhỏ hơn 4,0	F	0,0

Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

a_i là điểm của học phần thứ i

n_i là số tín chỉ của học phần thứ i

n là tổng số học phần tích lũy

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình gồm 141 tín chỉ (TC), đã bao gồm học phần Giáo dục thể chất (3TC) và Giáo dục Quốc phòng (8TC).

Stt	Nội dung chương trình	Số TC
1	Kiến thức giáo dục đại cương	46
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	83
	Trong đó:	
	- Kiến thức cơ sở ngành	22
	- Kiến thức chuyên ngành (Bắt buộc)	43
	- Kiến thức bổ trợ, tự chọn, chuyên sâu của ngành (Tự chọn)	18
3	Kiến thức tốt nghiệp: Thực tập tốt nghiệp và thực hiện Khóa luận tốt nghiệp (hoặc Tiểu luận tốt nghiệp và học 02 học phần thay thế)	12
	Tổng cộng	141

8.1. Kiến thức giáo dục đại cương (46 TC)

STT	Mã số	Tên học phần	Số TC		
			Tổng	LT	TH
1	0301001769	Triết học Mác - Lênin	3	3	
2	0301001825	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	
3	0301001826	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	
4	0301001827	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	2	
5	0301000665	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	
6	0301000667	Pháp luật đại cương	2	2	
7	0301000292	Luật kinh tế	2	2	
8	0301000946	Tiếng Anh định hướng Toeic 1	4	4	
9	0301000947	Tiếng Anh định hướng Toeic 2	4	4	
10	0301001673	Tin học căn bản	3		3
11	0301001035	Giáo dục thể chất 1 - Bóng chuyền**	1		1
12	0301001036	Giáo dục thể chất 1 - Bóng đá**			
13	0301001037	Giáo dục thể chất 1 - Cầu lông**			
14	0301000660	Giáo dục thể chất 2 - Bóng chuyền**	1		1
15	0301001038	Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá**			
16	0301001039	Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông**			
17	0301001030	Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền**	1		1
18	0301000661	Giáo dục thể chất 3 - Bóng đá**			
19	0301000662	Giáo dục thể chất 3 - Cầu lông**			
20	0301000650	Giáo dục quốc phòng - An ninh **	8		8
21	0301000668	Toán cao cấp	3	3	
22	0301001080	Toán kinh tế	3	2	1
23	0301001403	Thống kê kinh doanh	3	2	1
Tổng			35+11	30	16

8.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (83 TC)

8.2.1 Kiến thức cơ sở ngành (22 TC)

STT	Mã số	Tên học phần	Số TC		
			Tổng	LT	TH
1	0301000236	Kinh tế vi mô	3	2	1
2	0301000898	Kinh tế vĩ mô	3	2	1
3	0301001051	Nguyên lý Marketing	3	2	1
4	0301000367	Nguyên lý kế toán	3	3	
5	0301000687	Thuế	2	1	1
6	0301000446	Quản trị học	3	2	1
7	0301001830	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	2	2	
8	0301000390	Phân tích định lượng trong kinh doanh	3	3	
Tổng			22	17	5

8.2.2 Kiến thức chuyên ngành (Bắt buộc: 43 TC)

STT	Mã số	Tên học phần	Số TC		
			Tổng	LT	TH
1	0301001619	Tiếng Anh chuyên ngành 1 - Marketing	3	3	
2	0301001620	Tiếng Anh chuyên ngành 2 - Marketing	3	3	
3	0301000335	Nghiên cứu Marketing	3	3	
4	0301000489	Tâm lý và hành vi khách hàng	3	3	
5	0301001832	Truyền thông Marketing	3	2	1
6	0301001404	Tiếp thị số	3	2	1
7	0301000438	Quản trị bán hàng	3	3	
8	0301001852	Quản trị Marketing 1	3	3	
9	0301001853	Quản trị Marketing 2	2	2	
10	0301001845	Marketing công nghiệp	2	2	
11	0301000461	Quản trị thương hiệu	3	2	1
12	0301000440	Quản trị chiến lược	3	2	1
13	0301000314	Marketing quốc tế	2	2	
14	0301000459	Quản trị sản xuất	3	2	1
15	0301001854	Thực tập nghề nghiệp - Marketing	4		4
Tổng			43	34	9

8.2.3 Kiến thức bổ trợ, tự chọn, chuyên sâu của ngành (Tự chọn: 18 TC)

STT	Mã số	Tên học phần	Số TC		
			Tổng	LT	TH
1	0301001833	Marketing ứng dụng	3	2	1
2	0301000460	Quản trị tài chính	3	2	1
3	0301001247	Lập và phân tích dự án	3	2	1
4	0301000490	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo	2	2	
5	0301000439	Quản trị chất lượng	3	2	1
6	0301000493	Thanh toán quốc tế	3	2	1
7	0301001837	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	3	2	1
8	0301000376	Nhượng quyền thương mại	2	2	
9	0301000456	Quản trị nguồn nhân lực	3	2	1
10	0301000310	Marketing du lịch	2	2	
11	0301000445	Quản trị hệ thống thông tin	2	2	
12	0301000443	Quản trị cung ứng và Logistic	3	3	
13	0301000457	Quản trị rủi ro	2	2	
14	0301001186	Quản trị sự thay đổi	2	2	
15	0301000605	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh	3	3	
16	0301001834	Giao tiếp trong kinh doanh	2	2	
17	0301001846	Phân tích hoạt động kinh doanh	2	1	1
18	0301001847	Lý thuyết tài chính tiền tệ	2	2	
19	0301001833	Thị trường tài chính	2	2	
20	0301000499	Lý thuyết bảo hiểm	2	2	
Tổng			49	41	8

8.3 Kiến thức tốt nghiệp (12 TC)

STT	Mã số	Tên học phần	Số TC		
			Tổng	LT	TH
1	0301001855	Thực tập tốt nghiệp - Marketing	4		4
2	0301001856	2.1 Khóa luận tốt nghiệp - Marketing	8		8
		2.2 Tiểu luận tốt nghiệp và học 02 học phần thay thế			
3	0301001857	2.2.1 Tiểu luận tốt nghiệp - Marketing	4		4
		2.2.2 Học phần thay thế (sinh viên chọn 2 học phần trong những học phần tự chọn)	4	4	
		Phần tự chọn			
4	0301001757	Quản trị doanh nghiệp	2	2	
5	0301001836	Khởi sự kinh doanh	2	2	
6	0301001848	Quản trị kinh doanh quốc tế	2	2	
7	0301000453	Marketing tổng hợp	2	2	
Tổng			12	0-4	8-12

9. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Học kỳ 1 (15 TC)

TT	Tên học phần	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Pháp luật đại cương	2	2		30	30	
2	Tin học căn bản	3		3	90		90
3	Giáo dục thể chất 1 - Bóng chuyền**	1					
4	Giáo dục thể chất 1 - Bóng đá**	1		1	30		30
5	Giáo dục thể chất 1 - Cầu lông**	1					
6	Toán cao cấp	3	2	1	60	30	30
7	Quản trị học	3	2	1	60	30	30
8	Nguyên lý Marketing	3	3		45	45	
TỔNG CỘNG		14+1	9	6	315	135	180

Học kỳ 2 (16 TC)

TT	Tên học phần	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Thống kê kinh doanh	3	2	1	60	30	30
2	Kinh tế vi mô	3	2	1	60	30	30
3	Giáo dục thể chất 2- Bóng chuyền**	1					
4	Giáo dục thể chất 2- Bóng đá**	1		1	30		30
5	Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông**	1					
6	Triết học Mác - Lênin	3	3		45	45	
7	Luật kinh tế	2	2		30	30	
8	Tiếng Anh định hướng Toeic 1	4	4		60	60	
TỔNG CỘNG		15+1	13	3	285	195	90

Học kỳ 3 (14 TC)

TT	Tên học phần	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Giáo dục quốc phòng - An ninh **	8		8	165		165
2	Tiếng Anh định hướng Toeic 2	4	4		60	60	
3	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30	30	
TỔNG CỘNG		6+8	6	8	510	255	165

Học kỳ 4 (17 TC)

TT	Tên học phần	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Nguyên lý kế toán	3	2	1	60	30	30
2	Tâm lý và hành vi khách hàng	3	3		45	45	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30	30	
4	Tiếng Anh chuyên ngành 1 - Marketing	3	3		45	45	
5	Kinh tế vĩ mô	3	2	1	60	30	30
6	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	2	2		30	30	
7	Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền**	1					
8	Giáo dục thể chất 3 - Bóng đá**	1		1	30		30
9	Giáo dục thể chất 3 - Cầu lông**	1					
TỔNG CỘNG		16+1	14	3	300	210	90

Học kỳ 5 (16 TC)

TT	Tên học phần	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Thuế	2	1	1	45	15	30
2	Toán kinh tế	3	2	1	60	30	30
3	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	2		30	30	
4	Phân tích định lượng trong kinh doanh	3	3		45	45	
5	Tiếng Anh chuyên ngành 2 - Marketing	3	3		45	45	
6	Nghiên cứu Marketing	3	3		45	45	
TỔNG CỘNG		16	14	2	270	210	60

Học kỳ 6 (14 TC)

TT	Tên học phần	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30	30	
2	Quản trị sản xuất	3	3		45	45	
3	Quản trị Marketing 1	3	3		45	45	
	Học phần tự chọn:	6					
4	Thanh toán quốc tế	3	2	1	60	30	30
5	Quản trị hệ thống thông tin	2	2		30	30	
6	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh	3	3		45	45	
7	Lý thuyết tài chính tiền tệ	2	2		30	30	
8	Thị trường tài chính	2	2		30	30	
9	Lý thuyết bảo hiểm	2	2		30	30	
TỔNG CỘNG		14	13-14	0-1	195-240	195-210	0-30

Học kỳ 7 (14 TC)

TT	Tên học phần	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Tiếp thị số	3	2	1	60	30	30
2	Truyền thông Marketing	3	2	1	60	30	30
3	Quản trị Marketing 2	2	2		30	30	
	Học phần tự chọn:	6					
4	Quản trị tài chính	3	2	1	60	30	30
5	Marketing ứng dụng	3	2	1	60	30	30
6	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo	2	2		30	30	
7	Quản trị chất lượng	3	2	1	60	30	30
8	Nhượng quyền thương mại	2	2		30	30	
9	Quản trị nguồn nhân lực	3	2	1	60	30	30
10	Marketing du lịch	2	2		30	30	
11	Quản trị cung ứng và Logistic	3	3		45	45	
12	Quản trị sự thay đổi	2	2		30	30	
TỔNG CỘNG		14	10-12	2-4	210-300	150-180	60-120

Học kỳ 8 (14 TC)

TT	Tên học phần	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Thực tập nghề nghiệp-Marketing	4		4	120		120
2	Marketing quốc tế	2	2		30	30	
3	Marketing công nghiệp	2	2		30	30	
	Học phần tự chọn:	6					
4	Lập và phân tích dự án	3	2	1	60	30	30
5	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	3	2	1	60	30	30
6	Quản trị rủi ro	2	2		30	30	
7	Giao tiếp trong kinh doanh	2	2		30	30	
8	Phân tích hoạt động kinh doanh	2	1	1	45	15	30
TỔNG CỘNG		14	8-9	4-7	225-345	105-135	120-210

Học kỳ 9 (9 TC)

TT	Tên học phần	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Quản trị bán hàng	3	3		45	45	
2	Quản trị thương hiệu	3	2	1	60	30	30
3	Quản trị chiến lược	3	3		60	30 ¹	30
TỔNG CỘNG		9	8	1	165	105	60

Học kỳ 10 (12 TC)

TT	Tên học phần	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Thực tập tốt nghiệp - Marketing	4		4	240		240
	Loại hình 1:	8					
2	Khóa luận tốt nghiệp - Marketing	8		8	240		240
	Loại hình 2:	8					
3	Tiểu luận tốt nghiệp-Marketing	4		4	120		120
	Học phần thay thế (sinh viên chọn 2 trong những học phần tự chọn)	4					
4	Quản trị doanh nghiệp	2	2		30	30	
5	Khởi sự kinh doanh	2	2		30	30 ¹	
6	Quản trị kinh doanh quốc tế	2	2		30	30	
7	Marketing tổng hợp	2	2		30	30	
TỔNG CỘNG		12	4	4-12	300-360	60	240-360

Ghi chú: **: Các học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy.

10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Cách quy đổi giờ:

Giờ quy đổi được tính như sau:

1 Tín chỉ = 15 tiết giảng lý thuyết

= 30 tiết đối với học phần thực tập/ thực hành

= 60 tiết đối với thực tập tốt nghiệp tại đơn vị thực tập

Số tiết của các học phần là bội số của 15

10.1. Đối với các đơn vị đào tạo

- Phải nghiên cứu chương trình để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình.

- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp chương trình chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy.

- Chuẩn bị thật kỹ đội ngũ cố vấn học tập, yêu cầu cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần.

- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.

- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần.

10.2. Đối với giảng viên

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp.

- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên trước một tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp.

- Tổ chức cho sinh viên các buổi hội thảo, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, đồ án, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại phòng thực hành ngôn ngữ, và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

10.3. Đối với sinh viên

- Tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ.

- Nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng.

- Đảm bảo thời gian lên lớp đầy đủ để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên.

- Tự giác trong việc tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi Seminar.

- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm khóa luận/ tiểu luận tốt nghiệp.

- Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá. *mae*

HIỆU TRƯỞNG *LS*



Trần Công Luận